TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2023/HS-ST
Ngày: 07/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Nga

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Thuỳ

2. Bà Trương Thị Quý

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Hải Vân - Thư ký Toà án nhân dân Huyện B, tỉnhTh Hoá.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện B, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà*:** Bà Trần Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện B, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2023, theo quyết định đưa ra xét xử số 38/2023/QĐXXST- HS, ngày 24/11/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Thị H**, sinh ngày: 20/10/1983 tại: xã L, Huyện B, tỉnh Thanh Hoá; Nơi cư trú: Thôn Q, xã L, Huyện B, tỉnhTh Hoá; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính; Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Công Ng (đã chết) và bà Trương Thị Ph, sinh năm: 1939; Có chồng Đinh Văn S; sinh năm 1974 và 02 (hai) con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện B bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2023 đến ngày 20/7/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh và tại ngoại cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Bùi Văn M, sinh năm: 1993 (Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn V, xã Điền Q, Huyện B, Thanh Hóa

2. Chị Trương Thị D, sinh năm: 1952 (Vắng mặt)

3. Anh Trương Văn Th, sinh năm: 1982 (Có mặt)

Đều trú tại: Thôn Ph, xã L, Huyện B, Thanh Hóa

4. Chị Bùi Thị T2, sinh năm: 1984 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn M, xã L, Huyện B, tỉnh Thanh Hóa

5. Chị Bùi Thị H2, sinh năm: 1963 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn Q, xã L, Huyện B, Thanh Hóa

6. Chị Bùi Thị Ph, sinh năm: 1962 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn Trung Thành, xã L, Huyện B, Thanh Hóa

7. Anh Bùi Văn Th, sinh năm; 1967 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn Sơn Thủy, xã L, Huyện B, Thanh Hóa

- *Người làm chứng:*

1. Chị Trương Thị Năm, sinh năm: 1980 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn Q, xã L, Huyện B, Thanh Hóa;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ động cơ vụ lợi, trong khoảng từ cuối năm 2018 đến tháng 7/2023, Trương Thị H ở Thôn Q, xã L, Huyện B, tỉnhTh Hóa đã sử dụng tiền của cá nhân cho 07 người dân trên địa bàn Huyện B vay tiền với lãi suất 5.000đ/01triệu đồng/01 ngày tương đương với lãi suất 182,5%/01 năm, cao gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 (20%/năm), thu lợi bất chính số tiền là 177.864.397đ (một trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng). Cụ thể như sau:

1. Ngày 16/12/2018 Trương Thị H cho Bùi Thị H2 sinh năm 1963 ở Thôn Q, xã L, Huyện B vay 110.000.000đ với lãi suất 5.000đ/01triệu/. Đến ngày 12/7/2019, H chốt tiền lãi cho H2 trong 210 ngày vay là 115.000.000đ. Số tiền lãi được thu theo quy định là 12.657.534đ, số tiền thu lợi bất chính là 102.342.466đ, cùng ngày H2 đã trả cho H 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) tiền lãi, còn nợ lại 5.000.000đ tiền lãi H2 trả cho H vào ngày 15/8/2019.

Số tiền gốc 110.000.000đ từ ngày 12/7/2019 H chuyển sang tính theo lãi suất với chị H2 là 7.000đ/01 triệu/01 tháng, tương đương với lãi suất là 85,1%/01 năm, chưa vượt quá mức lãi suất 5 lần so với mức lãi cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự. Hàng tháng H2 phải trả cho Trương Thị H 7.700.000đ tiền lãi/ tháng.

Đến ngày 08/3/2020 H2 đã trả cho H 61.600.000đ là tiền lãi của 240 ngày vay, số tiền lãi được thu theo quy định là 14.465.753đ (mười bốn triệu bôn trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 47.134.247đ (bốn mươi bảy triệu một trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng). Cùng ngày H2 trả cho H 20.000.000đ tiền gốc còn nợ lại 90.000.000đ tiếp tục tính lãi 70.000đ/01 triệu/01 tháng.

Đến ngày 12/10/2020 H2 trả cho H 131.160.000đ trong đó 90.000.000đ tiền gốc và 41.160.000đ tiền lãi trong 196 ngày vay, số tiền lãi được thu theo quy định là 9.665.753đ (chín triệu sáu trăm sáu mươi nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 31.494.247đ (ba mươi mốt triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng).

Ngoài ra ngày 09/5/2019 H cho Bùi Thị H2 vay với H 26.000.000đ với lãi suất 5.000đ/01 triệu/01 ngày tương đương với lãi suất 182,5%/01 năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 9,13 lần. Đến ngày 12/6/2019 H2 trả cho H 33.130.000đ gồm 26.000.000đ tiền gốc, 4.680.000đ tiền lãi của 36 ngày vay,

số tiền lãi được thu theo quy định là 512.877đ tám mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính là 4.167.123đ (bốn triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi ba đồng) và 2.451.000đ tiền H2 mua hàng hoá với H. Số tiền này chị H2 vay ngắt quảng, đãTh toán cho H, số tiền H thu lợi bất chính dưới 30.000.000đ, đồng thời đến thời điểm phát hiện ngày 05/7/2023 đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên không bị xử lý hành chính.

Như vậy, trong thời gian từ ngày 16/12/2018 đến ngày 12/10/2020 Trương Thị H cho Bùi Thị H2 vay 110.000.000đ với lãi suất từ 5.000đ/01 triệu/01 ngày tương đương với lãi suất 182,5%/01 năm, cao gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự 2015 thu lợi bất chính còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là 102.342.466đ. Trong đó H2 đã trả cho H thực tế là 110.000.000đ tiền gốc và 115.000.000đ tiền lãi (gồm: 102.342.466đ là tiền thu lợi bất chính và 12.657.534đ là tiền lãi được phép thu theo quy định).

2. Cuối tháng 7 năm 2020, H cho Bùi Văn M sinh năm 1993 ở thôn Vền Ấm Khà, xã Q, Huyện B, tỉnhTh Hóa vay 30.000.000đ với lãi suất là 5.000đ/01 triệu/01 ngày tương đương với lãi suất 182,5%/01 năm, cao gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Ngày 10/4/2021, M trả cho H 50.000.000đ gồm 11.000.000đ tiền gốc và 39.000.000đ tiền lãi trong 260 ngày vay. Số tiền lãi được thu theo quy định là 4.273.973đ, số tiền thu lợi bất chính là 34.726.027đ, còn nợ lại 19.000.000đ tiền gốc, Trương Thị H chuyển sang tính lãi 70.000đ/01 triệu/01 tháng và yêu cầu M viết giấy vay mới đối với khoản nợ này. Nhưng từ đó H không thu lãi.

Ngày 23/11/2023 H đã trả cho M 34.726.027đ nhưng trừ đi 19.000.000đ tiền gốc M còn nợ.

3. Trong thời gian từ ngày 25/9/2022 đến ngày 26/5/2023, H cho Bùi Thị Ph sinh năm 1962 ở thôn Trung Thành, xã L, Huyện B vay 6.000.000đ với lãi suất 5.000đ/01 triệu/01 ngày tương đương với lãi suất 182,5%/01 năm, cao gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Đến ngày 15/11/2022, H tiếp tục cho Ph vay thêm 20.000.000đ cũng với lãi suất là 5.000đ/01 triệu/01 ngày. Ngày 26/5/2023 Bùi Thị Ph trả cho H 44.910.0000đ, trong đó: 18.000.000đ tiền gốc, 26.910.000đ tiền lãi (gồm 7.410.000đ là tiền lãi của 247 ngày đối với khoản vay 6.000.000đ và 19.500.000đ là tiền lãi của 195 ngày đối với khoản vay 20.000.000đ). Số tiền lãi được thu theo quy định là 2.949.023đ, số tiền thu lợi bất chính là 23.960.959đ, Ph còn nợ lại 8.000.000đ tiền gốc. Sau khi chốt nợ, H chỉ yêu cầu Bùi Thị Ph trả tiền gốc không còn tính lãi.

4. Ngày 14/11/2022 H cho Bùi Văn Th2 sinh năm 1967 ở thôn Sơn Thủy, xã L, Huyện B, tỉnhTh Hóa vay 10.000.000đ với lãi xuất là 5.000đ/01triệu/01ngày, đến ngày 01/12/2022 Th2 vay thêm của Trương Thị H 10.000.000đ với cùng mức lãi suất.

Ngày 23/02/2023 Th2 trả cho H 20.000.000đ, trong đó 10.500.000đ tiền gốc và 9.500.000đ tiền lãi (gồm 5.200.000đ là tiền lãi của 104 ngày đối với khoản vay 10.000.000đ ngày 14/11/2022 và 4.300.000đ là tiền lãi của 86 ngày vay đối với khoản vay 10.000.000đ ngày 01/12/2022). Số tiền lãi được thu theo quy định là 1.041.096đ, số tiền thu lợi bất chính là 8.458.904đ (tám triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn chín

trăm lẻ bốn đồng), Th2 còn nợ lại 9.500.000đ tiền gốc và tiếp tục tính lãi 5.000đ/01 triệu/01 ngày.

Ngày 18/3/2023, H chốt nợ cho Th2 là 10.687.000đ gồm 9.500.000đ tiền gốc và 1.187.000đ tiền lãi của của 25 ngày vay. Số tiền lãi được thu theo quy định là 130.137đ, số tiền thu lợi bất chính là 1.056.863đ. Cùng ngày Th2 vay thêm với H 10.000.000đ nên H bớt cho Th2 87.000đ rồi chốt nợ thành 20.600.000đ. Th2 trả luôn cho H 600.000đ tiền lãi của 12 ngày vay và còn nợ lại 20.000.000đ tiếp tục tính lãi 5.000đ/01 triệu/01 ngày.

Đến ngày 18/5/2023, Th2 trả cho Trương Thị H 11.000.000đ gồm 5.000.000đ tiền gốc và 6.000.000đ là tiền lãi trong 60 ngày vay, số tiền lãi được thu theo quy định là 657.534đ, số tiền thu lợi bất chính là 5.342.466đ. Th2 còn nợ lại 14.500.000đ tiền gốc và 500.000đ tiền lãi.

Như vậy, trong thời gian từ ngày 14/11/2022 đến ngày 18/5/2023, Trương Thị H cho Bùi Văn Th vay 30.000.000đ với lãi suất từ 5.000đ/01 triệu/01 ngày tương đương với lãi suất 182,5%/01 năm, cao gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự 2015 và thu lợi bất chính là 14.858.233. Trong đó, Th2 đã trả thực tế cho H được 15.500.000đ tiền gốc và 16.100.000đ tiền lãi (gồm 14.338.904đ tiền thu lợi bất chính và 1.761.096đ tiền lãi được phép thu). Còn lại 14.500.000đ tiền gốc và 500.000đ tiền lãi Th2 chưa trả được cho H (gồm 432.293đ tiền thu lợi bất chính và 67.707đ tiền lãi được phép thu).

5. Ngày 07/02/2023, H cho Trương Thị D sinh năm: 1952 ở thôn Phú Sơn, xã L, Huyện B vay 600.000đ lãi suất 5.000đ/01 triệu/01. Sau 90 ngày tương đương với lãi suất 182,5%/01 năm, cao gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Trương Thị D đã trả cho H tổng 270.000đ tiền lãi. Số tiền lãi được thu theo quy định là 29.589đ, số tiền thu lợi bất chính là 240.411đ. HiệnD đang đang nợ H tiền vay gốc 600.000đ.

6. Ngày 19/02/2023 H cho Trương Văn Th sinh năm 1982 ở thôn Phú Sơn, xã L, Huyện B vay 2.000.000đ với lãi suất 5.000đ/01 triệu/01 ngày Đến ngày 20/3/2023, Th trả cho H tổng 300.000đ tiền lãi trong 30 ngày vay. Số tiền lãi được thu theo quy định là 32.877đ, số tiền thu lợi bất chính là 267.123đ lùng ngàyTh vay thêm 1.000.000đ nên tổng tiền vay với H là 3.000.000đ và tiếp tục tính lãi suất 5.000đ/01 triệu/01 ngày. Đến ngày 08/6/2023, Th đã trả cho H 750.000đ tiền lãi trong 50 ngày vay. Số tiền lãi được thu theo quy định là 82.192đ số tiền thu lợi bất chính là 667.808đ. HiệnTh đang còn nợ H tiền vay gốc 3.000.000đ.

Tổng số tiền Trương Thị H cho Trương Văn Th vay là 3.000.000đ với lãi suất 5.000đ/01 triệu/01 ngày tương đương với lãi suất 182,5%/01 năm, cao gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự 2015 và thu lợi bất chính là 934.931đ. Th đã trả cho H thực tế là 1.050.000đ tiền lãi (gồm 934.931đ là tiền lãi thu lợi bất chính và 115.069đ tiền lãi được thu theo quy định). HiệnTh còn nợ H 3.000.000đ tiền vay gốc.

7. Ngày 16/4/2023, H cho Bùi Thị T2 sinh năm: 1984 ở thôn Trung Thành, xã L, Huyện B, tỉnhTh Hóa vay 3.000.000đ với lãi suất 5.000đ/01 triệu/01 ngày tương đương với lãi suất 182,5%/01 năm, cao gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại

điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Ngày 04/6/2023, Tiến trả cho Trương Thị H 900.000đ tiền lãi của 60 ngày vay. Số tiền lãi được thu theo quy định là 98.630đ, số tiền thu lợi bất chính là 801.370đ. Hiện Tiến đang nợ H 3.000.000đ tiền gốc.

Như vậy trong khoảng thời gian từ tháng 12/2018 đến tháng 5/2023, Trương Thị H dùng số tiền vốn cá nhân là 120.000.000 cho 07 người dân trên địa bàn vay quay vòng thu lợi bất chính với lãi suất gấp 9,13 lần trên mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là 177.864.397đ. Trong đó số tiền H thực tế thu đến nay là 90.00.000đ tiền gốc và 199.230.000đ tiền lãi (gồm 177.345.068đ tiền lãi thu lợi bất chính và 21.884.932đ là tiền lãi được phép thu).

Tại bản kết luận giám định số 3408/KL-KTHS ngày 26/9/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnhTh Hoá kết luận: Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn đã bị xoá trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2018 đến ngày 05/7/2023 của 01(một) điện thoại gửi giám định.

Tại Cơ quan điều tra, Trương Thị H đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các đối tượng là phù H2 với các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liều, xử lý vật chứng vụ án:

Trong quá trình khám xét chỗ ở của Trương Thị H phát hiện thu giữ các tài liệu, đồ vật gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno8 Z, kiểu máy: CPH2457, có IMEI 1: 868062061960275, số IMEI 2: 868062061960276. Kèm theo 02 (hai) SIM có ghi số: 89840200010990859191 và 8984048000013159885. Hiện vật chứng nêu trên đang được bảo quản tại Kho vật chứng Công an Huyện B theo Lệnh nhập kho vật chứng số 25/LNK-CSĐT ngày 27/9/2023 của Cơ quan CSĐT Công an Huyện B.

- 01 (một) quyển sổ giáo án, bìa màu: Xanh – Trắng, trên bìa có ghi chữ "Giáo Án" và 01 (một) quyển vở ô li, trên bìa có ghi chữ "BabyShop". Hiện đã đưa vào hồ sơ hồ sơ vụ án.

- 01 (một) tờ giấy vay tiền đề ngày 18/3/2023 của Bùi Văn Th; 01 (một tờ giấy vay tiền đề ngày 10/4/2023 của Bùi Thị Năm (người thừa kế Bùi Thị Tuyết và Bùi Văn M); 01(một) tờ giấy vay tiền đề ngày 07/4/2023 âm lịch của Bùi Thị Ph; 01(một) tờ giấy vay tiền đề ngày 16/4/2023 của Bùi Thị T2 và 01(một) tờ giấy vay tiền đề ngày 16/12/2022 âm lịch của Trương Thị D. Hiện đã đưa vào hồ sơ vụ án.

Về dân sự:

Quá trình điều tra anh Bùi Văn M có đơn đề nghị yêu cầu Trương Thị H trả lại số tiền đã thu lời bất chính. Ngày 20/11/2023 bị cáo đã trả cho M 34.726.000đ tiền lãi thu lời bất chính nhưng trừ đi 19.000.000đ tiền gốc và nhận lại 15.726.000đ và không yêu cầu gì thêm.

Bùi Thị H2, Bùi Thị Ph, Bùi Văn Th, Bùi Thị T2, Trương Thị D, Trương Văn Th đều có đơn đề nghị không yêu cầu Trương Thị H trả lại số tiền đã thu lời bất chính.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKSBT-TA ngày 24/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện B đã truy tố bị cáo Trương Thị H về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo bản cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội theo quy định của pháp luật, bị các không có thắc mắc gì. Bị cáo thừa nhận từ cuối năm 2018 đến tháng 5/2023 bị cáo có hành vi dùng số tiền 120.000.000đ của các nhân cho vay quay vòng đối với 07 người vay trên địa bàn gồm: Tháng 12/2018 cho chị H2 vay 110.000.000đ, đến tháng 5/2020 chị H2 trả lãi và trả được 20.000.000đ tiền gốc bị cáo bỏ thêm 10.000.000đ cho anh Bùi Văn M vay 30.000.000đ. Đến tháng 10/2020 chị H2 trả cho bị cáo toàn bộ tiền lãi và số tiền gốc 90.000.000đ, đến tháng 9/2022 bị cáo dùng số tiền tiền gốc thu về của chị H2 cho chị Ph vay tổng 26.000.000đ, từ tháng 11/2022 đến tháng 5/2023 cho anh Bùi Văn Th vay 30.000.000đ, đến tháng 2/2023 cho chị Trương Thị D vay 600.000đ, tháng 4/2023 cho chị Bùi Thị T2 vay 3.000.000đ, cho anh Trương Văn Th 3.000.000đ lấy lãi xuất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày cao gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự 2015.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa anhTh trình bày phù lời khai tại Cơ quan Điều tra, phù H2 với các tình tiết nêu trong bản cáo trạng, tại phiên tòa anh không đề nghị bị cáo phải trả số tiền lài phần vượt quá quy định, anh sẽ có trách nhiệm trả số tiền gốc vay của bị cáo cho nhà nước. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, phù H2 với lời khai tại Cơ quan Điều tra phù H2 với các tình tiết nêu trong bản cáo trạng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện B giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trương Thị H phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự và đề nghị HĐXX:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 65, điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 BLTTHS. Xử phạt bị cáo từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Phạt tiền bổ sung 35 triệu đến 40 triệu để nộp ngân sách nhà nước và đề nghị các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng như sau.

Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo H phải nộp lại số tiền gốc 90.900.000đ là phương tiện dùng vào việc phạm tội và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà H đã thu của người vay tổng số tiền là 21.884.932. Tổng cộng 112.784.932 (Một trăm mười hai triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi hai đồng).

Buộc chị Bùi Thị Ph nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo H chưa trả là 8.000.000đ. Buộc anh Bùi Văn Th nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo H chưa trả là 14.500.000đ. Buộc chị Bùi Thị T2 nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo H chưa trả là 3.000.000đ Buộc anh Trương Văn Th nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo H chưa trả là 3.000.000đ Buộc chị Trương Thị D nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo H chưa trả là 600.000đ. Vì số tiền này là phương tiện bị cáo H dùng vào việc phạm tội và chị Ph, anh Th2, chị Tiến, anhTh, chịD chưa trả cho bị cáo.

Đối với số tiền thu lời bất chính, phần lãi thu vượt quá quy định bị cáo thu của ngươi vay: Quá trình điều tra anh Bùi Văn M có đơn đề nghị yêu cầu Trương Thị H trả lại số tiền đã thu lời bất chính 34.726.000đ. Ngày 20/11/2023 bị cáo đã trả cho anh Bùi Văn M 34.726.000đ tiền lãi thu lời bất chính nhưng trừ đi 19.000.000đ tiền gốc vay còn nợ của bị cáo, M nhận lại 15.726.000đ và không yêu cầu gì thêm. Đối với chị Bùi Thị H2, Bùi Thị Ph, anh Bùi Văn Th, Bùi Thị T2, Trương Thị D, Trương Văn Th có đơn đề nghị không yêu cầu Trương Thị H trả lại số tiền lãi phần vượt quá đã thu lời bất chính của bị cáo, đề nghị HĐXX không xem xét.

Về vật chứng trong vụ án: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu bán xung công quỹ nhà nước của bị cáo Trương Thị H 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno8 Z, kiểu máy: CPH2457, có IMEI 1: 868062061960275, số IMEI 2: 868062061960276, kèm theo 02 (hai) SIM có ghi số: 89840200010990859191 và 8984048000013159885 do bị cáo dùng làm công cụ cho việc phạm tội.

Đối với 01 quyển sổ giáo án, bìa màu: Xanh – Trắng, trên bìa có ghi chữ "Giáo Án" và 01 (một) quyển vở ô li, trên bìa có ghi chữ "BabyShop", 01 (một) tờ giấy vay tiền đề ngày 18/3/2023 của Bùi Văn Th; 01 (một tờ giấy vay tiền đề ngày 10/4/2023 của Bùi Thị Năm (người thừa kế Bùi Thị Tuyết và Bùi Văn M); 01(một) tờ giấy vay tiền đề ngày 07/4/2023 âm lịch của Bùi Thị Ph; 01 (một) tờ giấy vay tiền đề ngày 16/4/2023 của Bùi Thị T2 và 01 (một) tờ giấy vay tiền đề ngày 16/12/2022 âm lịch của Trương Thị D là vật chứng của vụ án vì vậy đề nghị lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Huyện B; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì. Vì vậy, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt: Xét thấy trong quá trình điều tra người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, nội dung vụ án đã được làm rõ nên việc xét xử vắng mặt nhưỡng người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292. 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

[2] Về Hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù H2 với nội dung bản cáo trạng, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù H2 lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận như sau:

Từ cuối năm 2018 đến tháng 5/2023 bị cáo Trương Thị H dã dùng số tiền 120.000.000đ của các nhân cho vay quay vòng đối với 07 người dân trên địa bàn gồm: Tháng 12/2018 cho chị Bùi Thị H2 vay 110.000.000đ, đến tháng 5/2020 chị H2 trả lãi và trả được 20.000.000đ tiền gốc bị cáo bỏ thêm 10.000.000đ cho anh Bùi Văn M vay 30.000.000đ. Đến tháng 10/2020 chị H2 trả cho bị cáo toàn bộ tiền lãi và số tiền gốc 90.000.000đ, đến tháng 9/2022 bị cáo dùng số tiền tiền gốc thu về của chị H2 cho chị Bùi Thị Ph vay tổng 26.000.000đ, tháng 11/2022 đến tháng 5/2023 cho anh Bùi Văn Th vay 30.000.000đ, đến tháng 2/2023 cho chị Trương Thị D vay 600.000đ, đến tháng 4/2023 cho chị Bùi Thị T2 vay 3.000.000đ, cho anh Trương Văn Th 3.000.000đ với lãi suất 5.000đ/01 triệu đồng/01 ngày tương đương với lãi suất 182,5%/01 năm, cao gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính là 177.864.397đ nhằm mục đích vụ lợi cá nhân. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân Huyện B truy tố bị cáo về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có khả năng lao động mà không chịu khó kiếm tiền chân chính mà lợi dụng hoàn cảnh khó khăn về tài chính của người khác để thu lời bất chính từ việc cho vay nặng lãi. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự về hoạt động quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, Ngân hàng, ảnh hưởng trật tự, trị an của xã hội mà còn xâm hại đến quyền lợi của công dân được nhà nước bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hướng sấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự và nhân thân của bị cáo. Tình tiết tặng nặng bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"*phạm tội 02 lần trở lên*"* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã khắc phục hậu quả bằng việc trả lại số tiền thu lời bất chính cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh M, chị Ph, anh Th2, chị H2, anh Th2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo" được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại điều 65 BLHS và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt tiền bổ sung: Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo 35.000.000đ

[6] Về biện pháp tư pháp:

Số tiền gốc bị cáo cho vay đã được người vay trả 90.900.000đ, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất BLDS quy định mà bị cáo đã thu của người vay 21.884.932 là tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi xuất 20%/năm theo quy định BLDS tuy không

được tính xác định trách nhiệm Hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần truy thu xung công quỹ nhà nước. Tổng cộng 112.784.932đ, làm tròn 112.785.000 (Một trăm mười hai triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Đối với số tiền gốc của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan còn nợ lại của bị cáo cần truy thu sung công quỹ nhà nước gồm: Chị Bùi Thị Ph 8.000.000đ, anh Bùi Văn Th 14.500.000đ, chị Bùi Thị T2 3.000.000đ, anh Trương Văn Th 3.000.000đ, chị Trương Thị D 600.000đ.

Đối với số tiền thu lời bất chính, phần lãi thu vượt quá quy định bị cáo H thu của ngươi vay: Quá trình điều tra và truy tố anh Bùi Văn M có đơn đề nghị yêu cầu Trương Thị H trả lại số tiền đã thu lời bất chính 34.726.000đ. Ngày 20/11/2023 bị cáo đã trả cho anh Bùi Văn M 34.726.000đ tiền lãi thu lời bất chính nhưng trừ đi 19.000.000đ tiền gốc vay còn nợ của bị cáo, M nhận lại 15.726.000đ và không yêu cầu gì thêm nên HĐXX miễn xét.

Đối với những người vay tiền (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) chị Bùi Thị H2, Bùi Thị Ph, Bùi Văn Th, Bùi Thị T2, Trương Thị D, Trương Văn Th tại cơ quan điều tra có đơn đề nghị không yêu cầu Trương Thị H trả lại số tiền đã thu lời bất chính, nhưng bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận không đề nghị phải bồi thường số tiền còn lại nên HĐXX không xem xét.

[7] Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno8 Z, kiểu máy: CPH2457, có IMEI 1: 868062061960275, số IMEI 2: 868062061960276, kèm theo 02 (hai) SIM có ghi số: 89840200010990859191 và 8984048000013159885 thu của bị cáo. Qua kiểm tra Zalo bị cáo dùng điện thoại nhắn tin để cho vay và thu tiền lãi là công cụ dùng vào việc phạm tội nên tich thu bán xung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 (một) quyển sổ giáo án, bìa màu: Xanh-Trắng, trên bìa có ghi chữ "Giáo Án" và 01 (một) quyển vở ô li, trên bìa có ghi chữ "BabyShop", 01 (một) tờ giấy vay tiền đề ngày 18/3/2023 của Bùi Văn Th; 01 (một tờ giấy vay tiền đề ngày 10/4/2023 của Bùi Thị Năm (người thừa kế Bùi Thị Tuyết và Bùi Văn M); 01(một) tờ giấy vay tiền đề ngày 07/4/2023 âm lịch của Bùi Thị Ph; 01 (một) tờ giấy vay tiền đề ngày 16/4/2023 của Bùi Thị T2 và 01 (một) tờ giấy vay tiền đề ngày 16/12/2022 âm lịch của Trương Thị D là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội nên sẽ được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào: Khoản 2, khoản 3 Điều 201, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47, Điều 65 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Trương Thị H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt: Bị cáo Trương Thị H 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/12/2023.

Phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Trương Thị H cho UBND xã L, Huyện B, tỉnhTh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường H2 bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường H2 thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng H2 hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự

- Về các biện pháp tư pháp: Truy thu để xung công quỹ nộp ngân sách nhà nước của bị cáo Trương Thị H số tiền 90.900.000đ tiền gốc cho vay là phương tiện phạm tội bị cáo đã thu về và 21.884.932đ (là tiền lãi thu 20%/năm theo quy định). Tổng cộng 112.784.932đ, làm tròn 112.785.000 (Một trăm mười hai triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Truy thu đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Bùi Thị Ph 8.000.000đ (Tám triệu đồng), anh Bùi Văn Th 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng), chị Bùi Thị T2 3.000.000đ (Ba triệu đồng), anh Trương Văn Th 3.000.000đ (Ba triệu đồng) chị Trương Thị D 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu bán đấu giá xung công quỹ nhà nước của bị cáo H 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno8 Z, kiểu máy: CPH2457, có IMEI 1: 868062061960275, số IMEI 2: 868062061960276, kèm theo 02 (hai) SIM có ghi số: 89840200010990859191 và 89840480000013159885 được đựng trong 01 (một) phong bì màu trắng, mặt trước có ghi: KLGĐ số 3408/KL-KTHS ngày 26/9/2023, mặt sau có các hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnhTh Hoá", phong bì được dán kín và niêm phong bởi chữ ký đứng tên Nguyễn Đăng Đạt, Phạm M Cường. (Theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản số 03 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự Huyện B ngày 27/10/2023).

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 (một) quyển sổ giáo án, bìa màu: Xanh – Trắng, trên bìa có ghi chữ "Giáo Án" và 01 (một) quyển vở ô li, trên bìa có ghi chữ "BabyShop", 01 (một) tờ giấy vay tiền đề ngày 18/3/2023 của Bùi Văn Th; 01 (một tờ giấy vay tiền đề ngày 10/4/2023 của Bùi Thị Năm (người thừa kế Bùi Thị Tuyết và Bùi Văn M); 01(một) tờ giấy vay tiền đề ngày 07/4/2023 âm lịch của Bùi Thị Ph; 01 (một) tờ giấy vay tiền đề ngày 16/4/2023 của Bùi Thị T2 và 01 (một) tờ giấy vay tiền đề ngày 16/12/2022 âm lịch của Trương Thị D.

-Về án phí: Bị cáo H phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND Huyện B;
- Toà án nhân dân tỉnhThanh Hoá;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Công an Huyện B;
- Chi cục THADS Huyện B;
- Lưu hồ sơ.

Đã Ký

Vũ Văn Nga